

HOẠT ĐỘNG VƠ VÉT THÓC, GẠO CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở TỈNH TÂN AN (1941-1945) QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

ThS NGUYỄN MINH ĐÀO

Trường Đại học Sài Gòn

Ngày nhận:

13-2-2024

Ngày thẩm định, đánh giá:

26-2-2024

Ngày duyệt đăng:

8-3-2024

Tóm tắt: Trong lịch sử, tỉnh Tân An là địa phương giàu tiềm năng về sản xuất lúa gạo ở Nam Bộ. Những năm 1941-1945, dưới sức ép của quân phiệt Nhật, chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam tăng cường vơ vét thóc, gạo cho quân đội Nhật. Các hoạt động này đã tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế - xã hội ở Việt Nam, làm tăng mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với chính quyền phát xít, thực dân Nhật - Pháp ngày càng sâu sắc. Qua nguồn tài liệu lưu trữ, bài viết góp phần phục dựng lại các hoạt động vơ vét thóc, gạo của thực dân Pháp tại tỉnh Tân An (nay thuộc tỉnh Long An).

Từ khóa:

Vơ vét, thóc, gạo; Tân An; thực dân Pháp; tài liệu lưu trữ

1. Vài nét về chính sách vơ vét thóc, gạo của thực dân Pháp ở Nam Kỳ (1941-1945)

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và tổ chức khai thác thuộc địa. Lúa gạo là một trong những mặt hàng xuất khẩu mang lại nhiều lợi nhuận cho chính quyền thực dân. Vùng đất Nam Kỳ là địa bàn sản xuất lúa gạo lớn của Việt Nam, trở thành nguồn khai thác lúa gạo quan trọng của thực dân Pháp. Sau khi quân phiệt Nhật vào chiếm đóng Đông Dương đã liên tục ép Pháp ký kết các hiệp ước có lợi cho Nhật. Ngoài các chính sách tô thuế, Nhật còn đưa ra “chương trình kinh tế chỉ huy” để vơ vét tài sản của nhân dân Đông Dương phục vụ cho nhu cầu chiến tranh phát xít. Ngày 6-5-1941, Nhật ép buộc Pháp ký

thỏa thuận hằng năm cung cấp lương thực ở Đông Dương cho Nhật. Từ đó, nhiều chính sách mới ra đời, nhằm vơ vét lương thực phục vụ chiến tranh của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật.

Chính phủ Pháp đã ký với Nhật nhiều hiệp ước với nội dung chính là đáp ứng các yêu cầu của Nhật về kinh tế và tài chính cho cuộc chiến tranh mà người Nhật đang theo đuổi. Trong đó có việc cung cấp lương thực cho quân Nhật ở Đông Dương và các khu vực khác phải đủ số lượng, đúng thời hạn ghi trong các hiệp ước đã ký với Nhật.

Để đẩy mạnh hoạt động vơ vét thóc gạo, thực dân Pháp thành lập một số cơ quan chuyên trách về lương thực như: Ban chỉ đạo mua bán và xuất khẩu thóc, gạo và phụ phẩm; Ủy ban liên ngành về thóc

và ngô; Ủy ban tư vấn về trồng lúa; Hội buôn thóc; Hội buôn gạo và ngô; Ủy ban ngũ cốc,... Việc thành lập các cơ quan này đã tạo ra một bộ máy giúp việc chính quyền Nam Kỳ trong việc quản lý và kiểm soát chặt chẽ hoạt động buôn bán thóc, gạo nhằm triệt để vơ vét mặt hàng quan trọng này trong nhân dân chúng để cung ứng cho Nhật.

Chính quyền thực dân tại Nam Kỳ thực hiện hàng loạt biện pháp nhằm kiểm soát chặt chẽ thị trường thóc, gạo như: ấn định giá mua bán thóc, gạo, bắt buộc kê khai trữ lượng thóc, gạo đối với các chủ sở hữu, kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển thóc, gạo; trung mua và xử phạt đối với những người không bán thóc, gạo cho chính quyền hoặc khai không đúng số lượng thóc, gạo đang nắm giữ,...

Cùng với các biện pháp hành chính, thực dân Pháp triển khai xây dựng hệ thống kho trữ thóc tại một số tỉnh có trữ lượng lớn thóc, gạo ở Nam Kỳ. Theo đó, năm 1943, chính quyền thực dân Pháp cho xây dựng “9 kho chứa thóc ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Mỹ Tho, Rạch Giá, Vĩnh Long, Sài Gòn - Chợ Lớn nhằm tích trữ thêm 45.000 tấn thóc”¹. Năm 1944, Thống đốc Nam Kỳ cho xây dựng các kho trữ 315.000 tấn thóc với kinh phí 2.000.000 \$ ở 13 tỉnh trọng điểm về trồng lúa, trong đó “tỉnh Tân An được giao xây dựng kho chứa 10.000 tấn với kinh phí 63.500\$”². Bên cạnh việc trữ thóc tại chỗ, chính quyền Nam Kỳ còn đôn đốc các tỉnh chở hàng chục ngàn tấn thóc, gạo về Chợ Lớn để giao cho Nhật.

Như vậy, trước sức ép từ phía Nhật qua các hiệp ước, thực dân Pháp đã đặt gánh nặng này lên vai người nông dân Nam Kỳ, thông qua nhiều hoạt động nhằm thực hiện triệt để việc vơ vét thóc, gạo để cung ứng cho Nhật. Tuy là vựa thóc của cả nước nhưng chính sách vơ vét thóc, gạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế, làm kiệt quệ đời sống nhân dân trên địa bàn.

2. Hoạt động vơ vét thóc, gạo của thực dân Pháp ở tỉnh Tân An (1941-1945)

Năm 1941, tỉnh Tân An có “3 quận, 11 tổng với 62 làng, tổng diện tích khoảng 366.000 ha, dân số 148.000 người, trong đó có 145.872 người An Nam, 1.268 người Campuchia và 943 người Hoa”³. Ở Tân An, lúa là cây trồng chính và là một trong vài tỉnh có đất trồng được 2 vụ lúa trong năm (chiếm khoảng 1/3 diện tích). Lúa được trồng ở các vùng thuộc quận Châu Thành, Thủ Thừa và một số làng Mộc Hóa, năng suất trung bình khoảng 80.000 tấn, trong đó 40.000 tấn được xuất khẩu, phần còn lại tiêu dùng trong tỉnh và làm giống.

Những năm 1941-1945, những hoạt động vơ vét thóc gạo của thực dân Pháp ở Tân An được thể hiện ở những nội dung:

Thứ nhất, thực dân Pháp ráo riết vơ vét và chuyển thóc, gạo về Chợ Lớn để giao cho Nhật.

Trong 3 tháng đầu năm 1942 (từ ngày 1-1 đến ngày 25-3-1942) chính quyền tỉnh Tân An đã chở về Chợ Lớn “15.892 tấn 864 kg thóc, 158 tấn 580 kg gạo”⁴ và 3 tháng cuối năm (từ ngày 1-10 đến ngày 29-12-1942) là “22.551 tấn 928 kg thóc”⁵. Theo báo cáo kinh tế năm 1942, tỉnh Tân An “có diện tích canh tác là 53.968 ha với sản lượng đạt 69.086 tấn thóc”⁶, trong khi đó số lượng thóc chở về Chợ Lớn trong 6 tháng là 38.603 tấn 17 kg chiếm 55,88% tổng sản lượng thu hoạch vụ thóc năm 1942. Tiếp đến, trong 3 tháng đầu năm 1943, tỉnh Tân An đã chở “27.000 tấn thóc”⁷ về Chợ Lớn.

Thứ hai, chính quyền thực dân kiểm soát chặt chẽ thị trường thóc, gạo dưới nhiều hình thức.

Bắt buộc khai báo số lượng thóc, gạo đối với chủ sở hữu. Trước tình hình lượng thóc, gạo chở về Chợ Lớn ngày một ít do các chủ vựa, thương lái đợi giá thóc cao mới bán, ngày 5-4-1943, chính quyền Nam Kỳ đã ra Thông tri số N^o2407/4B yêu cầu các địa phương kê khai số thóc, gạo có thể huy

động được chở về Chợ Lớn giao cho Nhật. Sau khi tổng hợp kết quả từ các quận gửi lên, ở Tân An “có 1.050.602 giạ thóc, 39.748 kg gạo, 3.000 kg tằm”⁸, tất cả toàn bộ số thóc, gạo này đã nhanh chóng được chở về Chợ Lớn.

Tiếp đó, ngày 17-7-1943, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định số N^o4789/4B nêu rõ: “những người nắm giữ kho thóc, gạo được yêu cầu khai báo trước 4 giờ chiều ngày 10 tháng 8 năm 1943 là thời hạn cuối cùng. Trừ những người nắm giữ dưới 30 giạ hay khoảng 600 kg thóc, 300 kg gạo, tằm và bột không phải khai báo”⁹. Theo báo cáo của Tỉnh trưởng Tân An, ngày 19-8-1943 toàn tỉnh “có 2.162 tờ khai, kết quả thu được là 4.412 tấn 150 kg thóc, 65 tấn 911 kg gạo, 5 tấn 400 kg tằm”¹⁰.

Ngày 17-4-1944, chính quyền Nam Kỳ ra Nghị định số N^o2505, yêu cầu “những người nắm giữ thóc, phải khai báo vào ngày 5-5-1944 trước 4 giờ chiều là thời hạn cuối cùng. Chi miễn khai báo cho những người nắm giữ ít hơn 20 giạ hay khoảng 400 kg thóc hoặc 200 kg gạo và tằm”¹¹. Nghị định này cho thấy, chính quyền thực dân Pháp ngày càng thắt chặt hơn quyền người dân được giữ lại số lượng thóc gạo để phục vụ nhu cầu chiến tranh của cả Pháp và Nhật. Thực hiện yêu cầu trên, chính quyền thực dân tỉnh Tân An tiến hành rà soát quyết liệt, những người có trên 20 giạ hay 400 kg thóc hoặc 200 kg gạo và tằm đều phải khai báo cho chính quyền. Theo thống kê của chính quyền tỉnh Tân An, tính đến ngày 13-5-1944 đã có “6.673 tờ khai, với 759.833 giạ thóc, 45.814 kg gạo, 640 kg tằm”¹² đã khai báo với chính quyền. Nội dung của những báo cáo, nghị định trên cho thấy, chính quyền thực dân đã kiểm soát, vơ vét đến tận cùng lúa gạo của người dân trên địa bàn tỉnh Tân An.

Kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển thóc, gạo chở về Chợ Lớn. Chính quyền thực dân quy định

các ghe chở thóc, gạo không được đậu quá lâu trên các con kênh, sông kể từ khi thóc, gạo được chất lên ghe để chở về Chợ Lớn, tránh việc buôn bán cho các lái buôn thị trường chợ đen. Tuy nhiên, do giá bán thóc, gạo cho chính quyền thực dân thấp hơn giá trị trường nên có một bộ phận thương lái đã “bán trộm” thóc, gạo ra thị trường chợ đen trên đường vận chuyển về Chợ Lớn. Qua tài liệu lưu trữ của Pháp cho biết, theo báo cáo của chính quyền tỉnh Tân An, lái buôn Nguyễn Hữu Quý ở Hướng Thọ Phú (Tân An), số thẻ N^o37-CTN, vận chuyển (bằng ghe) 159.202 kg thóc từ Tân An lên Chợ Lớn từ ngày 26-4 đến ngày 25-5-1944, nhưng đến nơi chỉ còn lại 55.000 kg. Nguyên do là “Nguyễn Hữu Quý đã bán ra thị trường chợ đen một phần thóc khi chở lên Sài Gòn - Chợ Lớn..., đề nghị ông (Chủ tịch Ủy ban ngũ cốc Đông Dương-TG) thu hồi thẻ mua thóc số N^o37-CTN của ông ấy (Nguyễn Hữu Quý - TG)”¹³. Hay trường hợp vận chuyển 734 bao thóc bị trưng dụng ở làng An Vĩnh Ngãi cũng bị chính quyền tỉnh Tân An giám sát chặt chẽ; báo cáo được gửi đến Chủ tịch Ủy ban ngũ cốc biết số thóc được chở về Chợ Lớn từ ngày 6-1-1944. Đây là những minh chứng rõ nét việc chính quyền Tân An kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển thóc, gạo từ tỉnh Tân An về Chợ Lớn thông qua việc áp dụng triệt để các quy định của Thống đốc Nam Kỳ nhằm hạn chế việc buôn bán thóc, gạo đang hoạt động mạnh ở thị trường chợ đen.

Áp đặt, ấn định giá mua thóc, gạo ở Tân An. Trước kia, sau vụ thu hoạch lúa, nông dân được tự do bán sản phẩm thu hoạch của mình ngay tại chỗ cho các thương nhân Hoa kiều hoặc người Việt, hoặc tự vận chuyển đến Chợ Lớn để bán cho các nhà máy¹⁴. Nhưng đến thời điểm này, nông dân chỉ được phép bán cho chính quyền với một mức giá do chính quyền ấn định. Chính việc này đã dẫn đến bức xúc của những người trồng lúa, họ luôn đặt câu hỏi đối với chính quyền rằng tại

sao thóc “được bán cho một người mua duy nhất, người này áp đặt giá của mình. Tại sao lại có sự chênh lệch lớn như vậy giữa giá thóc và giá các sản phẩm khác?”¹⁵.

Thứ ba, thực dân Pháp tiến hành cho xây dựng kho trữ thóc ở tỉnh Tân An.

Ngày 24-11-1943, Thống đốc Nam Kỳ đã ra thông tư số N^o700B gửi chính quyền 13 tỉnh có sản lượng thóc lớn phải xây dựng ngay các kho trữ thóc, trong đó có tỉnh Tân An. Tỉnh Tân An được giao xây kho 10.000 tấn với kinh phí 63.500\$. Thi hành lệnh của Thống đốc Nam Kỳ, chính quyền tỉnh Tân An đã xây dựng 4 kho, gồm 3 kho ở tỉnh lỵ với sức chứa: kho số 1 là 2.132 tấn; kho số 2 là 845 tấn; kho số 3 là 2.019 tấn và kho số 4 là 5.000 tấn ở Thủ Thừa, với tổng kinh phí xây cả 4 kho là 49.500\$¹⁶. Cả 4 kho lúa ở Tân An đều đặt cạnh sông, kênh (sông Vàm Cỏ Tây, kênh Thủ Thừa...) để thuận lợi cho việc vận chuyển thóc, gạo về Chợ Lớn bằng đường thủy.

Thứ tư, trung mua và xử phạt đối với các trường hợp không chịu bán thóc, gạo cho chính quyền hoặc khai không chính xác số lượng thóc, gạo đang trữ.

Quy định này được ghi nhận trong nhiều văn bản của chính quyền thực dân. Tại Nghị định số N^o4789/4B ngày 17-7-1943 và Nghị định số N^o2505 ngày 17-4-1944 của Thống đốc Nam Kỳ quy định: “bất kỳ việc không khai báo, hoặc khai báo không chính xác sẽ bị xử phạt và hàng hóa đó sẽ bị nhà nước trung mua với giá thấp hơn giá bán chính thức một đồng”¹⁷. Đã có trường hợp bị chính quyền thực dân trung dụng, như ông “Võ Văn Xưa ở làng An Vĩnh Ngãi đã bị chính quyền trung dụng 734 bao thóc vào ngày 5-1-1944”¹⁸.

Chính quyền thực dân thực hiện giám sát chi tiết quá trình vận chuyển lúa gạo trung dụng. Ngày 6-1-1944, chính quyền Tân An đã ra thông báo gửi Chủ tịch Ủy ban Ngũ Cốc cho

biết, có 3 ghe vận chuyên số thóc bị trung dụng đang trên đường chở về Chợ Lớn, trong đó “ghe số N^oS17-AN.11 chở 280 bao thóc, ghe số HF.5491 chở 380 bao thóc và ghe số N^o17-AN.23 chở 74 bao thóc đã rời Tân An từ ngày 6 tháng 1 để về Chợ Lớn”¹⁹.

3. Một số nhận xét

Trong suốt quá trình cai trị Việt Nam, thực dân Pháp đã ra sức bóc lột nhân dân ta, trong đó có chính sách vơ vét thóc, gạo, nhất là đối với các tỉnh Nam Bộ, trong đó có Tân An. Kể từ khi quân Nhật vào Việt Nam cùng với thực dân Pháp ra sức bóc lột nhân dân, biến dân ta sống trong cảnh “một cổ hai tròng”, chính sách vơ vét thóc, gạo của Nhật - Pháp được nâng lên thành “quốc sách” nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng chiến tranh của phát xít Nhật. “Vấn đề xuất khẩu gạo không còn ở cấp độ thương mại mà ở cấp độ chính trị”²⁰, nên việc sản xuất, mua bán thóc, gạo phải đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền, cùng nhiều chính sách mới kiểm soát chặt chẽ như quy định việc mua bán, ấn định giá, vận chuyển thóc, gạo, xây dựng các kho trữ lúa, thường xuyên kê khai thóc, gạo đối với các chủ sở hữu.

Hoạt động vơ vét thóc, gạo của Nhật - Pháp trong những năm 1941-1945 đã tác động trực tiếp đến tỉnh Tân An ở nhiều khía cạnh khác nhau.

- Về kinh tế, việc chính quyền thực dân ép nông dân bán thóc theo giá quy định thấp hơn thị trường đã làm cho nông dân Tân An gặp rất nhiều khó khăn.

Việc giá thóc thấp trong khi giá phân bón tăng gấp 10 lần so với giai đoạn trước chiến tranh, “từ 2\$ cho loại 50 kg lên 20\$”²¹, cùng mức thuế tăng gấp nhiều lần đã làm cho nông dân gặp rất nhiều khó khăn, một bộ phận nông dân bỏ ruộng. Ở Tân An, năm 1943 đã có tới 3.700 ha ruộng lúa bị bỏ hoang²².

- Đối với xã hội, các mặt hàng nhập khẩu khác cần thiết cho cuộc sống hằng ngày cũng không ngừng tăng giá, làm cho chi phí sinh hoạt của người dân ngày một cao. Theo Thanh tra Esquivillon, “chi phí sinh hoạt ở Tân An cao và không ngừng tăng lên. Sự khan hiếm nhu yếu phẩm cần thiết và sự thao túng của “thị trường chợ đen” đang tạo ra sự bất tiện đáng kể, điều chưa từng xảy ra”²³.

Bên cạnh giá chi phí sinh hoạt tăng, thì người nông dân Tân An còn phải đóng thuế rất cao cho địa chủ và chính quyền, giá mua gạo cũng rất cao, nhất là thị trường chợ đen vì đa số gạo đã bán cho nhà nước giờ phải mua gạo chợ đen để ăn. Vấn đề này được Thanh tra chính trị và hành chính thừa nhận rằng, ở Tân An người dân “phàn nàn về sự mất cân đối giữa giá thóc trả cho người sản xuất và giá gạo trả cho người tiêu dùng”²⁴, hay nói rõ hơn, là sự chênh lệch về giá thóc khi người nông dân bán ra là rất thấp nhưng lúc mua gạo để ăn thì đắt gấp nhiều lần. Việc chính quyền quy định độc quyền mua thóc và buộc người dân phải bán giá thóc thấp hơn so với thực tế đã đẩy người dân, nhất là lớp tá điền lâm vào cảnh khốn khó.

Dưới sự cai trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, người dân “không được hưởng tự do, hạnh phúc và các quyền lợi khác. Người dân bị vắt kiệt bởi sự áp bức bóc lột dã man và phi nhân tính. Họ sống trong khổ cực và ngu dốt!... họ hoặc phải đấu tranh cho cuộc sống và tự do của mình hoặc sẽ chết mòn trong kiếp nô lệ. Và họ chọn cách thứ nhất”²⁵.

Dưới sức ép chính trị từ quân phiệt Nhật, hoạt động thu gom lương thực được đẩy mạnh khắp Đông Dương, trọng tâm là ở Nam Kỳ. Hoạt động này được chính quyền thực dân ở Tân An thực hiện một cách triệt để thông qua việc thu mua thóc, gạo với giá rẻ chớ về Chợ Lớn và kiểm soát chặt chẽ việc mua, bán, trữ thóc, gạo trong nhân dân. Những việc làm này đã gây ra những

tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế, xã hội trong tỉnh. Những hoạt động vơ vét thóc, gạo ở Tân An đã làm cho mâu thuẫn giữa nông dân với chính quyền thực dân ngày càng sâu sắc, đây là một trong những nguyên nhân thúc đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng chống Pháp - Nhật.

1. Note le 31 Mai 1943. Note sur le problème du Stockage dans l'intérieur des provinces de Cochinchine. Important tonnage de Paddy de la prochaine campagne 1943/1944. Công văn ngày 31 tháng 5 năm 1943. Công văn về vấn đề kho chứa thóc ở các tỉnh Nam Kỳ. Thữ lượng thóc lớn vụ mùa 1943-1944 sắp tới. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34508

2. Circulaire N°700B, le 24 Novembre 1943. Le Gouverneur de la Cochinchine à Messieurs les Administrateurs, chefs de Province. Thông tư N°700B, ngày 24/11/1943. Thống đốc Nam Kỳ gửi các chủ tỉnh. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34716

3, 14. Rapport d'inspection Province de TANAN, Inspection des 23, 26 Avril et 5 Mai 1941. Báo cáo thanh tra tỉnh Tân An, Thanh tra ngày 23, 26 tháng 4 và 5 tháng 5 năm 1941. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 15500

4. Rapport N°38-c, le 30 Mars 1942. Rapport politique (1er trimestre 1942). Báo cáo N°38-c, ngày 30/3/1942. Báo cáo chính trị (quý I năm 1942). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 24276

5. Rapport N°1-C, le 4 Janvier 1943. Rapport politique (4ème trimestre 1942). Báo cáo N°1-C, ngày 4/1/1943. Báo cáo chính trị (quý 4 năm 1942). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 24276

6. Rapport le 31 Mai 1943. Rapport économique Annuel (1942) de Province Tanan. Báo cáo ngày 31/5/1943. Báo cáo kinh tế thường niên (1942) của tỉnh Tân An. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 33146

7. *Rapport N°1-b/C-Ag, le 3 Janvier 1943. L'administrateur du province de Tanan à Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine. Báo cáo N°1-b/C-Ag, ngày 3 tháng 1 năm 1943. Chủ tỉnh Tân An gửi Thống đốc Nam Kỳ. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34500*

8. *Rapport N°2781-Ag, le 10 Mai 1943. L'Administrateur du province de Tanan à Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine (4ème Bureau). Báo cáo N°2781-Ag, ngày 10 tháng 5 năm 1943. Chủ tỉnh Tân An gửi Thống đốc Nam Kỳ (Văn phòng 4). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34696*

9. *Arrêté N°4789/4B, Le Gouverneur de la Cochinchine. Nghị định N°4789/4B của Thống đốc Nam Kỳ. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34712*

10. *Rapport N°5444-Ag, le 19 Août 1943. L'Administrateur du province de Tanan à Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine (4ème Bureau). Báo cáo N°5444-Ag, ngày 19 tháng 8 năm 1943. Chủ tỉnh Tân An gửi Thống đốc Nam Kỳ (Văn phòng 4). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34502*

11, 17. *Arrêté N°2505, le 17 Avril 1944 de Le Gouverneur de la Cochinchine. Nghị định N°2505 ngày 17/4/1944 của Thống đốc Nam Kỳ). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34712*

12. *Rapport N°3721-Ag, le 13 Mai 1944. L'Administrateurs du province de Tanan à Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine (4ème Bureau). Báo cáo N°3721-Ag, ngày 13 tháng 5 năm 1944. Chủ tỉnh Tân An gửi Thống đốc Nam Kỳ (Văn phòng 4). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34502*

13. *Notification N°241b/c-Ag, le 12 Juillet 1944. L'administrateur du province de Tanan à Monsieur le Président du Comité des Céréales d'Indochine. Thông báo N°241b/c-Ag, ngày 12 tháng 7 năm 1944. Chủ tỉnh Tân An gửi Chủ tịch Ủy ban Ngũ cốc Đông Dương. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34500*

15, 21, 22. *Rapport D'inspection Province de TANAN, Inspection du Mercredi 22 du Vendredi 24 Décembre 1943. Báo cáo thanh tra tỉnh Tân An, Thanh tra từ thứ Tư ngày 22 đến thứ Sáu ngày 24 tháng 12 năm 1943. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 15529*

16. *Rapport N°316 B/C-Ag, le 10 Décembre 1943. L'Administrateur du province de Tanan à Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine (3ème Bureau). Báo cáo N°316 B/C-Ag, ngày 10 tháng 12 năm 1943. Chủ tỉnh Tân An gửi Thống đốc Nam Kỳ (Văn phòng 3). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34712*

18. *Rapport N°16, le 28 Janvier 1944. Le Délégué Administratif du Chef-lieu à Monsieur L'Administrateur du province de Tanan. Báo cáo N°16, ngày 28 tháng 1 năm 1944. Phó viên hành chính tỉnh lý gửi ông Chủ tỉnh Tân An. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34696*

19. *Rapport N°21-Ag, le 10 Janvier 1944. L'administrateur du province de Tanan à Monsieur le Président du Comité des Cereales. Báo cáo N°21-Ag, ngày 10 tháng 1 năm 1944. Chủ tỉnh Tân An gửi Chủ tịch Ủy ban Ngũ cốc. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 34500*

20. *Rapport N°33-C/Apa, le 24 Octobre 1942 à Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine (Cabinet). Báo cáo N°33-C/Apa, ngày 24 tháng 10 năm 1942 gửi Thống đốc Nam Kỳ (Văn phòng). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 24081.*

23. *Rapport D'inspection Province de TANAN, Inspection des 9, 10 et 11 Novembre 1942. Báo cáo thanh tra tỉnh Tân An, Thanh tra ngày 9, 10 và 11 tháng 11 năm 1942. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 15517*

24. *Rapport D'inspection Province de TANTAN (du 10 au 16 Janvier 1945). Báo cáo thanh tra tỉnh Tân An (từ ngày 10 đến 16 tháng 1 năm 1945). Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, phòng Thống đốc Nam kỳ, hồ sơ số 15552*

25. Dixee R Bartholomew-Feis: *OSS và Hồ Chí Minh đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, Nxb Thế giới, 2008, tr. 236.